

**PHỤ LỤC**  
**CÁC QUY TRÌNH CỦA VĂN PHÒNG UBND TỈNH GIA LAI**  
**CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TVCN ISO 9001:2015**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-VPUBND ngày tháng 6 năm 2026  
của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Gia lai)*

Các lĩnh vực hoạt động được công bố phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 như sau:

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>
<b>A</b>	<b><i>Mô hình hệ thống quản lý chất lượng</i></b>
<b>B</b>	<b><i>Vận hành và kiểm soát HTQLCL</i></b>
1	Chính sách chất lượng
2	Mục tiêu chất lượng
3	Hướng dẫn Quản lý rủi ro và cơ hội
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản.
5	Hướng dẫn đánh giá nội bộ
6	Hướng dẫn xem xét của lãnh đạo
7	Hướng dẫn kiểm soát sản phẩm không phù hợp và hành động khắc phục
<b>C</b>	<b><i>Quy trình giải quyết thủ tục hành chính</i></b>
<b>1</b>	<b><i>Lĩnh vực Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</i></b>
1.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân (đối với các giải thưởng do cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã - hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp, Hội, Hiệp hội ở Trung ương, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố tổ chức)
2.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn

3.	Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn
4.	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập
5.	Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho chuyên gia tư vấn độc lập
6.	Thủ tục Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận
7.	Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức chứng nhận
8.	Thủ tục Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận và thẻ cho chuyên gia trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc
9.	Thủ tục Cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận
10.	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước
11.	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước
12.	Thủ tục cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho

	chuyên gia tư vấn, đánh giá trong trường hợp bị mất, hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ liên lạc
13.	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo
14.	Thủ tục cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố bổ sung, điều chỉnh phạm vi đào tạo.
15.	Thủ tục chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
16.	Thủ tục điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
17.	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường
18.	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường
19.	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường
20.	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường
21.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa
22.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa
23.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa
24.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật
25.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật

26.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định đối tượng hoạt động trong lĩnh vực tiêu chuẩn và hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật
27.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý
28.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý
29.	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường
30.	Thủ tục chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường
31.	Thủ tục điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận, cấp thẻ, cấp lại thẻ kiểm định viên đo lường
32.	Thủ tục hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường
33.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
34.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
35.	Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm
36.	Công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2
37.	Điều chỉnh nội dung của bản công bố năng lực của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.
38.	Hủy bỏ bản công bố năng lực đã được ghi nhận của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo nhóm 1, chuẩn đo lường không dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2.

<b>2</b>	<b><i>Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ</i></b>
39.	Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước
40.	Đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước
41.	Thủ tục đặt và tổ chức xét tặng giải thưởng của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam
42.	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài
43.	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh
44.	Thủ tục công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo
45.	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh
46.	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh
47.	Thủ tục công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo
48.	Thủ tục công nhận cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo
49.	Thủ tục công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo
50.	Thủ tục công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo
51.	Thủ tục cấp lại Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo cấp tỉnh, Giấy công nhận cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận chuyên gia hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Giấy công nhận nhà đầu tư cá nhân khởi nghiệp sáng tạo
52.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ
53.	Thủ tục cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ

54.	Thủ tục đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo không sử dụng ngân sách nhà nước
55.	Thủ tục đăng ký thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo tài trợ, đặt hàng về đổi mới công nghệ; phát triển tài sản trí tuệ, nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.
56.	Thủ tục sửa đổi, chấm dứt Hợp đồng tài trợ thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo
57.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước
58.	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ
59.	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ
60.	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ
61.	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ
62.	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ
63.	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ
64.	Thủ tục Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư
65.	Thủ tục Chấp thuận chuyển giao công nghệ
66.	Thủ tục Cấp giấy phép chuyển giao công nghệ
67.	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức
68.	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân
69.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao

70.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức
71.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân
72.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao
73.	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển
74.	Cho phép thành lập và phê duyệt điều lệ của tổ chức khoa học và công nghệ có vốn nước ngoài
75.	Cấp Giấy phép thành lập lần đầu cho Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài tại Việt Nam
76.	Đề nghị thành lập tổ chức khoa học và công nghệ trực thuộc ở nước ngoài
77.	Đề nghị thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ Việt Nam ở nước ngoài
78.	Thủ tục xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (cấp tỉnh)
<b>3</b>	<b><i>Lĩnh vực Nhà ở</i></b>
79.	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công
<b>4</b>	<b><i>Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản</i></b>
80.	Cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản
<b>5</b>	<b><i>Lĩnh vực đườn sắt</i></b>
81.	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang
82.	Chấp thuận đấu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch
<b>6</b>	<b><i>Lĩnh vực hàng hải, đường thủy nội địa</i></b>

83.	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn
84.	Đổi tên cảng cạn
85.	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải
86.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa (đối với cơ sở từ loại 3 trở lên)
87.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa ((đối với cơ sở từ loại 3 trở lên)
88.	Quyết định đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động
89.	Quyết định lại đưa cơ sở phá dỡ tàu biển vào hoạt động
90.	Phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển
91.	Cấp Giấy phép nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng để phá dỡ
92.	Công bố chuyển bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa trong trường hợp bến thủy nội địa có quy mô, thông số kỹ thuật phù hợp với cấp kỹ thuật cảng thủy nội địa
93.	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương
94.	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa
95.	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng đường thủy nội địa
96.	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên
97.	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ
98.	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương
99.	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển

100.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm bằng phương tiện thuỷ nội địa (Đối với hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật)
101.	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép ((Đối với hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật)
102.	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hoá nguy hiểm do bị mất, bị hỏng (Đối với hàng hóa nguy hiểm là hóa chất bảo vệ thực vật)
<b>7</b>	<b><i>Lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng</i></b>
103.	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh
104.	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)
<b>8</b>	<b><i>Lĩnh vực hoạt động xây dựng</i></b>
105.	Công nhận tổ chức xã hội nghề nghiệp đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng/chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III cho hội viên của mình
<b>9</b>	<b><i>Lĩnh vực Hòa giải thương mại</i></b>
106.	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại
107.	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam
108.	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài
109.	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác
110.	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam

111.	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động
112.	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh
113.	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài
<b>10</b>	<b><i>Lĩnh vực biển và hải đảo</i></b>
114.	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)
115.	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)
116.	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)
117.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)
118.	Công nhận khu vực biển (cấp tỉnh)
119.	Cấp Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)
120.	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)
121.	Trả lại Giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)
122.	Cấp lại Giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)
123.	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh
124.	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh
125.	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh
126.	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh

<b>11</b>	<b><i>Lĩnh vực nội vụ</i></b>
127.	Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (cấp tỉnh)
128.	Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ (cấp tỉnh)
129.	Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (cấp tỉnh)
130.	Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (cấp tỉnh)
131.	Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động (cấp tỉnh)
132.	Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (cấp tỉnh)
133.	Quỹ tự giải thể (cấp tỉnh)
134.	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập từ 90 ngày trở lên
135.	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của tổ chức, cá nhân Việt Nam đầu tư ra nước ngoài
136.	Báo cáo đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài của doanh nghiệp Việt Nam trúng thầu, nhận thầu công trình, dự án ở nước ngoài
137.	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)
138.	Đăng ký hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài
139.	Xác nhận danh sách người lao động Việt Nam đi làm giúp việc gia đình ở nước ngoài
140.	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
141.	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài
142.	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động

143.	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
144.	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
145.	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
146.	Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hoá nhóm 2 nhập khẩu
147.	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
148.	Thủ tục truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
149.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-puchi-a
150.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
151.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến
152.	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng
153.	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
154.	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
155.	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam
156.	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập
157.	Chuẩn bị nguồn lao động của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

158.	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng từ 90 ngày trở lên)
159.	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)
<b>12</b>	<b>Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội</b>
160.	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân
161.	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
162.	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân
163.	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân
164.	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân
<b>13</b>	<b>Lĩnh vực quản lý công sản</b>
165.	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế
166.	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
167.	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại
168.	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
169.	Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi
<b>14</b>	<b>Lĩnh vực đất đai</b>
170.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi
171.	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất và trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất;

	giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng; gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất
172.	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.
173.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.
174.	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa
175.	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển
176.	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư
177.	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích
178.	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất
179.	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh
180.	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất
181.	Thủ tục chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc giải phóng mặt bằng (áp dụng đối với trường hợp cơ quan nhà nước cho thuê đất)
<b>15</b>	<b>Lĩnh vực Hội nghị, hội thảo quốc tế</b>
182.	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ

183.	Cho phép tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
184.	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
185.	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ
<b>16</b>	<b><i>Lĩnh vực văn hóa</i></b>
186.	Thủ tục cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh
187.	Thủ tục cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh
<b>17</b>	<b><i>Lĩnh vực du lịch</i></b>
188.	Công nhận Khu du lịch cấp tỉnh
<b>18</b>	<b><i>Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản</i></b>
189.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
190.	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
<b>19</b>	<b><i>Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng</i></b>
191.	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh
192.	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)
<b>20</b>	<b><i>Lĩnh vực thủy lợi</i></b>
193.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh

194.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND tỉnh
195.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
196.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
197.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
198.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
199.	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
200.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
201.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
202.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh
203.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh

204.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
205.	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
206.	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
207.	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh
208.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
209.	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý
210.	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý
211.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh
<b>21</b>	<b><i>Lĩnh vực Quản lý đê điều và phòng chống thiên tai</i></b>
212.	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ
213.	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ
214.	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

215.	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đề điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh
<b>22</b>	<b><i>Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp</i></b>
216.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục
<b>23</b>	<b><i>Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn</i></b>
217.	Công nhận làng nghề truyền thống
218.	Công nhận nghề truyền thống
219.	Công nhận làng nghề
220.	Hỗ trợ dự án liên kết
<b>24</b>	<b><i>Lĩnh vực Thủy sản</i></b>
221.	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản
222.	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá
223.	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm
224.	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản
225.	Cấp, cấp lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý)
226.	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
227.	Công bố mở cảng cá loại I
228.	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm

229.	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)
230.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá
231.	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá
232.	Công bố mở cảng cá loại 2
233.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)
234.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)
<b>25</b>	<b><i>Lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học</i></b>
235.	Cấp giấy phép khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên
236.	Đăng ký tiếp cận nguồn gen
237.	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen
238.	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen
239.	Cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại
<b>26</b>	<b><i>Lĩnh vực môi trường</i></b>
240.	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Cấp tỉnh)
241.	Cấp giấy phép môi trường
242.	Cấp đổi giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)
243.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường
244.	Cấp lại giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)
245.	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (cấp tỉnh)

<b>27</b>	<b><i>Lĩnh vực Quản lý đề điều và phòng, chống thiên tai</i></b>
246.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội
<b>28</b>	<b><i>Lĩnh vực Tần số vô tuyến điện, Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</i></b>
247.	Cấp Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá
248.	Gia hạn Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện liên lạc với phương tiện nghề cá
249.	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá
250.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá
251.	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư
252.	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư
253.	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư
254.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư
255.	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)
256.	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)
257.	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)

258.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)
259.	Cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ
260.	Gia hạn giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ
261.	Cấp đổi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ
262.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện đối với đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ
263.	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư
264.	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư
265.	Cấp giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải
266.	Cấp đổi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải
267.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý
268.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý
269.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý
270.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng
271.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng

272.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng
273.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa
274.	Thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa
275.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa
276.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
277.	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường
278.	Thủ tục chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký khi nhận được đề nghị không tiếp tục thực hiện toàn bộ lĩnh vực hoạt động đã được chứng nhận đăng ký của tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm
<b>29</b>	<b><i>Lĩnh vực dược</i></b>
279.	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định
280.	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
281.	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh
282.	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt
<b>30</b>	<b><i>Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo; Công tác dân tộc</i></b>

283.	Đề nghị cho người nước ngoài học tại cơ sở đào tạo tôn giáo ở Việt Nam (cấp tỉnh)
284.	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho nhóm người nước ngoài sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp tỉnh)
285.	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)
286.	Đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)
287.	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)
288.	Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương (cấp tỉnh)
289.	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (cấp tỉnh)
290.	Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)
291.	Đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích (cấp tỉnh)
292.	Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (Cấp Tỉnh)
293.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (cấp tỉnh)
294.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh (cấp tỉnh)
295.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác (cấp tỉnh)
296.	Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh (cấp tỉnh)

297.	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)
298.	Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (cấp tỉnh)
299.	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều xã thuộc một tỉnh (cấp tỉnh)
300.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh)
301.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (cấp tỉnh)
302.	Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (cấp tỉnh)
<b>31</b>	<b><i>Lĩnh vực xây dựng</i></b>
303.	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐTTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.
304.	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng
305.	Bãi bỏ đường ngang
306.	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn
307.	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa
<b>32</b>	<b><i>Lĩnh vực quốc tịch</i></b>

308.	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam
309.	Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước
310.	Thủ tục thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước
<b>33</b>	<b><i>Lĩnh vực tài nguyên nước</i></b>
311.	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước
312.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền.
313.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm
314.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành
315.	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm
316.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành
317.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước
318.	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)
319.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển
320.	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn – từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên)
321.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn – từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên)
322.	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn – từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên)

323.	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (quy mô lớn – từ 3.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm trở lên)
324.	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (cấp tỉnh)
325.	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.
<b>34</b>	<b><i>Lĩnh vực Người có công</i></b>
326.	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh
327.	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước
328.	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”
329.	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý
330.	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước
331.	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh
332.	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”
<b>35</b>	<b><i>Lĩnh vực an toàn bức xạ và hạt nhân</i></b>
333.	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh
334.	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp

	với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh
335.	Khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh
336.	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh.
337.	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh
338.	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh
339.	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh
340.	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế
341.	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.
342.	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).

343.	Khai báo thiết bị X quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).
344.	Cấp Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).
345.	Gia hạn Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)
346.	Sửa đổi Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).
347.	Bổ sung Giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp).
348.	Cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán y tế, thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), SPECT (SPECT/CT), sử dụng thiết bị phát tia X (trừ thiết bị chụp ảnh phóng xạ công nghiệp)
<b>36</b>	<b><i>Lĩnh vực việc làm</i></b>
349.	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
350.	Cấp lại Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
351.	Gia hạn Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm

352.	Thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
353.	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm
<b>37</b>	<b><i>Lĩnh vực sở hữu trí tuệ</i></b>
354.	Thủ tục cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ
355.	Thủ tục cấp phó bản, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp
356.	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp
357.	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
358.	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp.
359.	Thủ tục thu hồi chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
360.	Thủ tục ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
361.	Thủ tục ghi nhận tổ chức đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
362.	Thủ tục ghi nhận người đại diện sở hữu công nghiệp
363.	Thủ tục xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp
364.	Thủ tục xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp
365.	Thủ tục đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp
366.	Thủ tục ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế
367.	Thủ tục yêu cầu chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc
368.	Thủ tục đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp
369.	Thủ tục cấp Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp

370.	Thủ tục cấp lại Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp
371.	Thủ tục thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp
372.	Thủ tục ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp
<b>38</b>	<b><i>Lĩnh vực viễn thông và internet</i></b>
373.	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trên một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
374.	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông đối với tranh chấp của doanh nghiệp viễn thông thuộc phạm vi giấy phép cung cấp dịch vụ không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
375.	Đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông
376.	Thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông đối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông cơ bản trên Internet, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ thư điện tử, dịch vụ thư thoại, dịch vụ fax gia tăng giá trị
377.	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
378.	Cấp giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
379.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐCP

380.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất) đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP
381.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP
382.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP
383.	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
384.	Gia hạn giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
385.	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
386.	Cấp lại giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên mạng viễn thông cố định mặt đất)
387.	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông không có hạ tầng mạng, loại hình dịch vụ viễn thông cố định mặt đất (dịch vụ viễn thông cung cấp trên

	mạng viễn thông cố định mặt đất) và giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông
388.	Thu hồi giấy phép cung cấp dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, loại mạng viễn thông công cộng cố định mặt đất không sử dụng băng tần số vô tuyến điện, không sử dụng số thuê bao viễn thông có phạm vi thiết lập mạng viễn thông trong một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
389.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
390.	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
391.	Gia hạn giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
392.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động
393.	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá
394.	Thủ tục Hoàn trả mã mạng di động H2H, số dịch vụ giải đáp thông tin, số dịch vụ tin nhắn ngắn được phân bổ theo phương thức đấu giá
395.	Thủ tục đăng ký hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập (cấp tỉnh)
<b>39</b>	<b><i>Lĩnh vực Nhà ở và công sở</i></b>
396.	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương
397.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương
398.	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội
<b>40</b>	<b><i>Lĩnh vực di sản văn hóa</i></b>

399.	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập
400.	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp
401.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật
402.	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích
<b>41</b>	<b><i>Lĩnh vực di sản văn hóa</i></b>
403.	Công nhận điểm du lịch
<b>42</b>	<b><i>Lĩnh vực hợp tác quốc tế</i></b>
404.	Cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
405.	Cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
406.	Gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam
<b>43</b>	<b><i>Lĩnh vực mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm</i></b>
407.	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng
408.	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
<b>44</b>	<b><i>Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn</i></b>
409.	Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)
410.	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu
<b>45</b>	<b><i>Lĩnh vực quảng cáo</i></b>

411.	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
412.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
413.	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam
<b>46</b>	<b><i>Lĩnh vực điện ảnh</i></b>
414.	Cấp Giấy phép phân loại phim (thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh)
415.	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam
<b>47</b>	<b><i>Lĩnh vực thể dục thể thao</i></b>
416.	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức
417.	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức
418.	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương
<b>48</b>	<b><i>Lĩnh vực thi đua khen thưởng</i></b>
419.	Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)
420.	Xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)
421.	Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
422.	Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể
423.	Xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” về văn học, nghệ thuật

424.	Xét tặng “Giải thưởng Nhà nước” về văn học, nghệ thuật
425.	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
426.	Thủ tục truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”
427.	Thủ tục tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”
<b>49</b>	<b><i>Lĩnh vực thông tin đối ngoại</i></b>
428.	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)
<b>50</b>	<b><i>Lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm</i></b>
429.	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng
430.	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân
431.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng
432.	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
433.	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức
434.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý
435.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức.
436.	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế
437.	Nộp tiền trồng rừng thay thế
<b>51</b>	<b><i>Lĩnh vực Khoa học, công nghệ và môi trường</i></b>
438.	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

<b>52</b>	<b><i>Lĩnh vực nông nghiệp</i></b>
439.	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
440.	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao
441.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương
<b>53</b>	<b><i>Lĩnh vực biển và hải đảo</i></b>
442.	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh
443.	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh
444.	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh
445.	Cấp lại quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh
<b>54</b>	<b><i>Lĩnh vực địa chất, khoáng sản</i></b>
446.	Trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)
447.	Gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản
448.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)
449.	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (cấp tỉnh)
450.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)
451.	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (cấp tỉnh)
452.	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch

453.	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản
454.	Đóng cửa mỏ khoáng sản
455.	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản (cấp tỉnh)
456.	Gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản
457.	Cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)
458.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)
459.	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)
460.	Trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (cấp tỉnh)
461.	Trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản, trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản (cấp tỉnh)
462.	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản
463.	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV
464.	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV
465.	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV
466.	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV
467.	Cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản
468.	Cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản
469.	Thu hồi giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản
470.	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Cấp tỉnh)
471.	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)

472.	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản (Cấp tỉnh)
473.	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)
474.	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)
475.	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)
476.	Chấp thuận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)
477.	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản
478.	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản
479.	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản
480.	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản
481.	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản
482.	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản
483.	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt
484.	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản
485.	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản
486.	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
487.	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
488.	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
489.	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản
490.	Chấp thuận chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản
491.	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản
492.	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn

493.	Chấp thuận thăm dò khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV
494.	Chấp thuận khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đối với khoáng sản nhóm II, nhóm III và nhóm IV
495.	Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
<b>55</b>	<b><i>Lĩnh vực bảo hiểm và kinh doanh bảo hiểm</i></b>
496.	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
497.	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp
498.	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp
499.	Chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp bảo hiểm
<b>56</b>	<b><i>Lĩnh vực phát triển doanh nghiệp nhà nước</i></b>
500.	Cấp tạm ứng kinh phí đối với các tổ chức, đơn vị của địa phương
<b>57</b>	<b><i>Lĩnh vực Quy hoạch đô thị và nông thôn</i></b>
501.	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập
502.	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập
503.	Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập
<b>58</b>	<b><i>Lĩnh vực Luật sư</i></b>
504.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư

505.	Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư
<b>59</b>	<b><i>Lĩnh vực Khí tượng thủy văn</i></b>
506.	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh
507.	Phê duyệt kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh
508.	Phê duyệt điều chỉnh một phần kế hoạch tác động vào thời tiết trong địa giới hành chính của tỉnh
<b>60</b>	<b><i>Lĩnh vực đầu tư theo dõi phương thức đối tác công tư</i></b>
509.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán (cấp tỉnh)
510.	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (cấp tỉnh)
<b>61</b>	<b><i>Lĩnh vực đầu tư</i></b>
511.	Chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
512.	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
513.	Chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
514.	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
515.	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh
516.	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Sở Tài chính thực hiện)

517.	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh
518.	Điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện)
<b>62</b>	<b><i>Lĩnh vực hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa</i></b>
519.	Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản
520.	Thủ tục sửa đổi, bổ sung/cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu trong lĩnh vực báo chí, xuất bản
<b>63</b>	<b><i>Lĩnh vực quản lý nhà nước về hội, quỹ</i></b>
521.	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội (cấp tỉnh)
<b>64</b>	<b><i>Lĩnh vực lao động</i></b>
522.	Thủ tục tuyển chọn Kiến trúc sư trưởng cấp bộ, cấp tỉnh, Dự án
<b>65</b>	<b><i>Lĩnh vực Văn học</i></b>
523.	Thủ tục lựa chọn đề cương đề hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)
524.	Thủ tục hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)
<b>66</b>	<b><i>Lĩnh vực Di sản văn hóa</i></b>
525.	Thủ tục bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh)
<b>67</b>	<b><i>Lĩnh vực Vật liệu xây dựng; Hàng hải và đường thủy nội địa</i></b>
526.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa
527.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa

528.	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn
529.	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương
530.	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ
531.	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển
<b>68</b>	<b><i>Lĩnh vực trồng trọt</i></b>
532.	Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng
533.	Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng
534.	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân
535.	Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng
536.	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng
537.	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân
<b>69</b>	<b><i>Lĩnh vực quản tài viên</i></b>
538.	Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng cá nhân
539.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề
<b>70</b>	<b><i>Lĩnh vực vận chuyển hàng hóa nguy hiểm</i></b>
540.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9
541.	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9
542.	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 1 (trừ vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ), 2, 3, 4, 9

543.	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8
544.	Cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8
545.	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm loại 5, loại 8
<b>71</b>	<b><i>Lĩnh vực Quản lý lao động ngoài nước</i></b>
546.	Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng
<b>72</b>	<b><i>Lĩnh vực Quản lý nhà nước về hội, quỹ</i></b>
547.	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ (Cấp tỉnh)
548.	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; Công nhận Hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ (Cấp tỉnh)
549.	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ (Cấp tỉnh)
550.	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động (Cấp tỉnh)
551.	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ (Cấp tỉnh)
552.	Thủ tục quỹ tự giải thể (Cấp tỉnh)
<b>73</b>	<b><i>Lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử</i></b>
553.	Đề nghị tham gia thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)
554.	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)
555.	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)

556.	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm trong 01 tỉnh, thành phố)
557.	Cho phép nhập khẩu hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu.
558.	Cho phép thương nhân thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài.
559.	Bổ sung, sửa đổi Giấy phép, cấp lại do mất, thất lạc Giấy phép cho phép thực hiện hoạt động gia công hàng hóa thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ thông tin đã qua sử dụng cấm nhập khẩu cho thương nhân nước ngoài để tiêu thụ ở nước ngoài
<b>74</b>	<b><i>Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh</i></b>
560.	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh
<b>75</b>	<b><i>Lĩnh vực lao động, tiền lương</i></b>
561.	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
562.	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
563.	Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
564.	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động
<b>76</b>	<b><i>Lĩnh vực phát thanh truyền hình và thông tin điện tử</i></b>
565.	Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình
<b>77</b>	<b><i>Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành</i></b>
566.	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (địa phương)
567.	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cấp địa phương)
<b>78</b>	<b><i>Lĩnh vực hóa chất</i></b>
568.	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1

569.	Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1
570.	Cấp điều chỉnh Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1
571.	Cấp gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất cần kiểm soát đặc biệt nhóm 1
572.	Cấp Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm
573.	Cấp lại Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm
574.	Cấp điều chỉnh Giấy phép nhập khẩu hóa chất cấm
<b>79</b>	<b><i>Lĩnh vực xuất nhập khẩu</i></b>
575.	Thủ tục cấp Giấy phép nhập khẩu hàng hóa tân trang theo Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
576.	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện là hàng hóa tân trang theo Hiệp định EVFTA và Hiệp định UKVFTA
<b>80</b>	<b><i>Lĩnh vực cụm công nghiệp</i></b>
577.	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp
<b>81</b>	<b><i>Lĩnh vực công nghiệp công nghệ số</i></b>
578.	Đề nghị thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)
579.	Đề nghị gia hạn thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)
580.	Đề nghị kết thúc thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)
581.	Đề nghị điều chỉnh thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số (không gian, phạm vi, đối tượng thử nghiệm từ 02 tỉnh, thành phố trở lên)

<b>D</b>	<b><i>Quy trình giải quyết nội bộ</i></b>
1	Quy trình quản lý văn bản đến, văn bản đi
2	Quy trình tổ chức công tác lưu trữ
3	Quy trình Thi đua khen thưởng